

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM GIA VÒNG 2
 KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI NĂM 2026**

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Điện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
1	Cao Chí Thìn	03/09/1988	Kim Phú, Quảng Trị	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành	
2	Nguyễn Thái Hoàng Long	18/07/1989	Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành	
3	Lê Võ Ngọc Vũ	14/11/1992	Cẩm Thành, Quảng Ngãi	Thạc sĩ	Quản lý đất đai + Luật		Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành	
4	Đỗ Thị Lệ Hằng	02/08/1978	Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai + Luật		Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành	
5	Hà Thị Mỹ Linh	27/03/1976	Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai + Kế toán		Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành	
6	Ngô Vĩnh Minh	26/02/1988	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành	
7	Nguyễn Thụy Hà Trang	02/05/1986	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành	
8	Huỳnh Lê Quang Huy	11/01/1984	Trà Câu, Quảng Ngãi	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành	
9	Lê Thành Vinh	19/44/1979	Đức Thọ, Hà Tĩnh	Thạc sĩ	Quản lý đất đai; Thạc sĩ kinh tế		Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành	
10	Phan Quốc Đạt	10/12/1996	Nam Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành	
11	Trào Văn Thức	16/01/1996	Bảo An, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành	
12	Nguyễn Phan Quốc Huy	19/05/1996	Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành	
13	Ngô Anh Khoa	12/11/1988	Diên Điền, Khánh Hòa	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành	
14	Nguyễn Thị Anh Kiều	29/07/2000	Diên Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Địa chính và quản lý đô thị		Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành	
15	Nguyễn Thành Đức	19/05/1985	Huế	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Điện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
16	Nguyễn Hoàng Lâm	16/01/2002	Tây Sơn, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	Phòng TTLT	V.06.01.02	Chuyên ngành	
17	Đặng Tiến Hải	26/12/1990	Ninh Khang, Thanh Hóa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	Phòng TTLT	V.06.01.02	Chuyên ngành	
18	Phạm Thị Hoa	09/04/1987	Đồng Thái Ninh, Hưng Yên	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	Phòng TTLT	V.06.01.02	Chuyên ngành	
19	Lê Văn Khánh	02/04/1986	Thạch Phước, Vĩnh Long	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Địa chính viên	Phòng TTLT	V.06.01.02	Chuyên ngành	
20	Nguyễn Thành Thương	12/11/1989	Phù Cát, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	Phòng TTLT	V.06.01.02	Chuyên ngành	
21	Trần Thị Trang Đài	05/11/1975	Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	Phòng TTLT	V.06.01.02	Chuyên ngành	
22	Lê Xuân Thịnh	05/02/2000	Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai; Hệ thống thông tin địa lý		Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
23	Trần Anh Quốc	04/01/1993	Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
24	Hoàng Đình Hưng	30/09/1983	Tuyên Quang	Đại học	Quản lý đất đai	Dân tộc Tày	Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
25	Võ Phạm Ngọc Đạt	16/01/1992	Vạn Hưng, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
26	Nguyễn Thị Hào	26/11/1985	Nghi Sơn, Thanh Hóa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
27	Hoàng Thị Ngân	02/01/1986	Thiệu Hóa, Thanh Hóa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
28	Trần Ngọc Lâm	19/02/1995	Tu Bông, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
29	Nguyễn Linh Trí	05/04/1998	Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
30	Phạm Ngọc Duy	09/01/1990	Vạn Thắng, Khánh Hòa	Đại học	Trắc địa bản đồ		Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
31	Huỳnh Đăng Khánh	03/02/1988	Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
32	Đàm Quang Chung	11/12/1985	Phường Chũ, Bắc Ninh	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
33	Trần Thị Thanh Trúc	12/06/1990	Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Điện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
34	Lê Thị Thu Thảo	06/02/1993	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành	
35	Nguyễn Ngọc Tùng Linh	06/07/1995	Tân Định, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành	
36	Nguyễn Cảnh Thực	23/01/1985	Lương Sơn, Nghệ An	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành	
37	Nguyễn Thị Thúy Hằng	18/02/1992	Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành	
38	Võ Thị Kim Tiến	08/0/1989	Bắc Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành	
39	Nguyễn Thị Ngọc Thu	11/05/1999	Hoàng Tiến, Thanh Hóa	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành	
40	Lê Thị Thúy Nghĩa	11/08/1993	Lê Thủy, Quảng Trị	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành	
41	Lê Minh Hải	02/10/1995	Hòa Trí, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành	
42	Huỳnh Hải Đăng	13/08/2000	Bắc Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành	
43	Nguyễn Huỳnh Minh Tuấn	28/03/2001	Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành	
44	Nguyễn Anh Sang	05/03/1998	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành	
45	Phạm Nguyễn Hữu Phúc	01/02/1999	Kiến Xương, Hưng Yên	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành	
46	Trần Thị Thu Ngân	18/06/2003	Tu Bông, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành	
47	Lương Thị Ngọc Thanh	07/11/1990	Tân Định, Khánh Hòa	Đại học	Địa chính		Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành	
48	Phan Thanh Chinh	20/10/1985	Đức Thịnh, Hà Tĩnh	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành	
49	Dương Thị Thu Dung	17/08/1984	Đan Hải, Hà Tĩnh	Đại học	Trắc địa		Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành	
50	Trương Lưu Ngọc Thảo	19/09/2001	Suối Dầu, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai; Địa chính và quản lý đô thị		Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành	
51	Thân Tấn Quân	04/03/1999	Dương Nỗ, Huế	Đại học	Trắc địa bản đồ		Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
52	Lê Thị Như Hoa	30/12/1985	Quảng Ngọc, Thanh Hóa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Điện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
53	Hồ Ý Nhi	10/11/1989	Diên Điền, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
54	Phan Thanh Hiền	30/07/1991	Tây Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
55	Trần Thị Xuân Quỳnh	11/03/1989	Tuyên Bình, Quảng Trị	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
56	Đào Văn Lộc	22/02/1985	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
57	Nguyễn Ánh Duyên	24/02/1987	Tây Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
58	Nguyễn Thị Vân Anh	24/02/1980	Thanh Hà, Hải Phòng	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
59	Lê Hoàng Tịnh Văn	17/10/2001	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
60	Lê Trung Kiên	30/09/1998	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
61	Ngô Quốc Phong	03/01/2000	Bắc Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
62	Nguyễn Phi Phượng Hoàng	21/05/1988	Cam An, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
63	Ngô Thị Cẩm Tú	03/01/1985	Tân Trụ, Tây Ninh	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
64	Trần Thị Quỳnh Trâm	28/07/1988	Diên Điền, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
65	Lưu Thị Ngọc Diệu	10/02/1992	Hòa Thịnh, Đak LaK	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
66	Phạm Minh Uyên	26/03/1992	Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
67	Nguyễn Thị Tuyết Nga	16/04/1988	Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai + Luật		Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
68	Mai Phú Khánh	05/01/1992	Diên Điền, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
69	Trương Thị Thanh Thủy	13/09/1994	Diên Thọ, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Điện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
70	Văn Khánh Vũ	09/12/1994	Bắc Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
71	Nguyễn Nguyên Hạnh Nhân	03/10/1994	Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
72	Lưu Thị Ngọc Dung	18/08/1997	Hòa Thịnh, Đak LaK	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
73	Lý Nguyễn Bửu Trân	10/01/1988	Ngô Mây, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
74	Lê Thị Hồng	29/04/1995	Vĩnh Hải, Hải Phòng	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Khánh Vĩnh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
75	Nguyễn Trần Phước Trung	10/01/1990	Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Khánh Vĩnh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
76	Bùi Ngọc Hoàng Vy	16/02/1998	Diên Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Khánh Vĩnh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
77	Trần Văn Thoại	04/06/1985	Diên Khánh, Khánh Hòa	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Khánh Vĩnh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
78	Tô Quang Vĩnh	08/11/1990	Trà Lĩnh, Cao Bằng	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Khánh Vĩnh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
79	Lê Thị Ái Nhi	16/12/1993	Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành	
80	Lý Hùng Sơn	19/04/1995	Cam Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành	
81	Lê Thị Tuyết Hạnh	01/01/1983	Thăng Bình, Đà Nẵng	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành	
82	Trương Thị Ngọc Bích	08/05/1986	Cam Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành	
83	Nguyễn Tiến Đạt	14/02/1998	Hiếu Giang, Quảng Trị	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành	
84	Đặng Kim Phong	02/09/1987	Đông Hòa, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành	
85	Nguyễn Thị Kim Ánh	26/02/1988	Diên Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành	
86	Đỗ Quyên	25/10/1995	Suối Dầu, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành	
87	Đỗ Hồng Ngọc	29/11/2002	Suối Dầu, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành	
88	Võ Thị Ngọc Trâm	17/05/2002	Suối Dầu, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
89	Văn Thị Bích Nguyệt	24/10/1993	Cam Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành	
90	Nguyễn Khánh Nhiên	26/10/2002	Quảng Ngãi	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành	
91	Huỳnh Nữ Xuân Vọng	16/05/1996	Cam Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành	
92	Lê Nữ Bích Ngọc	26/04/1995	Cam Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành	
93	Nguyễn Thị Như Quỳnh	12/04/1997	Quỳ Châu, Nghệ An	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành	
94	Trần Thị Thu Thanh	26/10/2000	Tu Bông, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành	
95	Nguyễn Thị Thoa	02/04/1984	Hoảng Tiến, Thanh Hóa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
96	Đào Ngọc Hiền	18/09/1984	Nghĩa Khánh, Nghệ An	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
97	Huỳnh Thị Lãng	26/02/1981	Sông Cầu, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
98	Phan Thị Phương Thảo	03/02/1976	Đức Phổ, Quảng Ngãi	Đại học	Quản lý đất đai + Luật		Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
99	Châu Thị Thanh Loan	24/06/1992	Phủ Yên	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
100	Nguyễn Thị Nhứt	14/07/1980	Nguyễn Nghiêm, Quảng Ngãi	Đại học	Quản lý đất đai + Kế toán		Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
101	Phan Thảo Như Quỳnh	21/02/1997	Ô Loan, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
102	Hồ Minh Huy	14/10/1991	Sông Cầu, Đak Lak	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
103	Nguyễn Hoài Đức	19/04/1987	Mỏ Cây, Quảng Ngãi	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
104	Trương Thị Anh Đào	02/08/1983	Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
105	Nguyễn Thị Thu Thủy	18/09/1989	Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
106	Lê Thị Hồng Thắm	10/09/1991	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
107	Nguyễn Thị Mai Trí	29/05/1991	Hoài Nhơn, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Điện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
108	Hà Thị Bích Trâm	15/03/1996	Cam Ranh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai; Công nghệ địa chính		Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành	
109	Phan Thị Thu Hằng	08/05/1989	Đông Hải, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Thuận Bắc	V.06.01.02	Chuyên ngành	
110	Trương Vĩnh Pháp	06/02/1988	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Thuận Bắc	V.06.01.02	Chuyên ngành	
111	Đình Văn Khôi	22/07/1997	Hòa Hội, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Bác Ái	V.06.01.02	Chuyên ngành	
112	Nguyễn Thị Diệu Lương	05/11/1996	Ninh Chữ, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Hải	V.06.01.02	Chuyên ngành	
113	Nguyễn Thị Diệu Hiền	25/05/1994	Ninh Chữ, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Hải	V.06.01.02	Chuyên ngành	
114	Trần Thị Thu Thùy	20/04/1992	Bảo An, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Hải	V.06.01.02	Chuyên ngành	
115	Nguyễn Văn Dũng	21/10/1996	Đông Hải, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Hải	V.06.01.02	Chuyên ngành	
116	Lê Thị Bích Hợp	26/12/1976	Công Hải, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai + Luật		Địa chính viên	CN Ninh Hải	V.06.01.02	Chuyên ngành	
117	Nguyễn Phạm Linh Trang	28/02/1985	Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Sơn	V.06.01.02	Chuyên ngành	
118	Đình Thị Thúy	15/09/1995	Hoài Nhơn Tây, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Sơn	V.06.01.02	Chuyên ngành	
119	Nguyễn Thị Kim Cúc	03/12/1997	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Sơn	V.06.01.02	Chuyên ngành	
120	Nguyễn Tuấn Anh	08/09/1979	Vĩnh Thuận, Hải Phòng	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Phước	V.06.01.02	Chuyên ngành	
121	Trương Minh Thành	02/03/1989	Phước Hậu, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	Địa chính viên	CN Ninh Phước	V.06.01.02	Chuyên ngành	
122	Huỳnh Thị Hiền	30/11/1986	Phù Cát, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Phước	V.06.01.02	Chuyên ngành	
123	Hà Thùy Kiều Giang	14/12/1983	Thái Thụy, Hưng Yên	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Phước	V.06.01.02	Chuyên ngành	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Điện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
124	Bạch Lâm Sơn	06/08/1993	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Phước	V.06.01.02	Chuyên ngành	
125	Lê Thị Bình An	30/11/1995	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Phước	V.06.01.02	Chuyên ngành	
126	Đào Thị Thanh Diệu	30/01/2002	Đô Vinh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Ninh Phước	V.06.01.02	Chuyên ngành	
127	Nguyễn Văn Thà	17/12/1993	Phan Rang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Phan Rang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
128	Lương Bá Linh My	14/11/1985	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Phan Rang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
129	Huỳnh Lê Tú Uyên	27/12/1992	Tư Nghĩa, Quảng Ngãi	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Phan Rang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
130	Nguyễn Thị Phan Hồng Tuyên	20/08/1984	Ninh Chữ, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Phan Rang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
131	Huỳnh Quang Thanh	06/06/1976	Vĩnh Long	Đại học	Quản lý đất đai	con thương bệnh binh	Địa chính viên	CN Phan Rang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
132	Lương Tấn Dương	01/03/1985	Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	Địa chính viên	CN Phan Rang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
133	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	31/03/1987	Khánh Hòa	Đại học	Trắc địa bản đồ; Công nghệ kỹ thuật trắc địa		Địa chính viên	CN Phan Rang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
134	Võ Thị Xuân Lạnh	10/06/1994	Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Phan Rang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
135	Trương Hoài Phương	25/08/1992	Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Phan Rang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
136	Phạm Thị Hương	02/03/1986	Bảo An, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Phan Rang	V.06.01.02	Chuyên ngành	
137	Hồ Công Bình	18/03/1994	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Thuận Nam	V.06.01.02	Chuyên ngành	
138	Trần Văn Nghĩa	22/11/1996	Ninh Chữ, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Thuận Nam	V.06.01.02	Chuyên ngành	
139	Trần Quốc Phương	10/10/1984	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Thuận Nam	V.06.01.02	Chuyên ngành	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
140	Đình Mai Thanh Thảo	27/02/1999	Lý Thường Kiệt, Ninh Bình	Đại học	Quản lý đất đai		Địa chính viên	CN Thuận Nam	V.06.01.02	Chuyên ngành	
141	Huỳnh Thị Lan	25/08/1991	Xuân Lộc, Đồng Nai	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành	
142	Nguyễn Thiều Thục Nhi	04/06/1995	Nam Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành	
143	Hoàng Ngọc Thái	11/11/1994	Bắc Nha Trang, Khánh Hòa	Thạc sĩ	Quản lý đất đai + Công nghệ kỹ thuật ô tô		Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành	
144	Võ Quang Ngọc	04/01/1990	Huế	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành	
145	Hoàng Văn Tuấn	18/07/1982	Hoạt Giang, Thanh Hóa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành	
146	Hoàng Đông Anh	11/05/1987	Hoạt Giang, Thanh Hóa	Đại học	Kỹ thuật trắc địa bản đồ		Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành	
147	Huỳnh Tường Viên	01/01/1983	Diên Lâm, Khánh Hòa	Thạc sĩ	Kỹ thuật trắc địa bản đồ + Thạc sĩ kinh tế		Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành	
148	Cao Xuân Thông	13/04/1983	Diễn Châu, Nghệ An	Đại học	Trắc địa		Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành	
149	Nguyễn Huy Tùng	19/07/1995	Vạn Thắng, Khánh Hòa	Thạc sĩ	Trắc địa bản đồ		Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành	
150	Lê Thị Vĩnh Phúc	04/05/1992	Thăng Bình, Đà Nẵng	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành	
151	Trần Thị Vũ Lai	18/12/1988	Tu Bông, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai+ trắc địa		Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành	
152	Vũ Trọng Tu	23/09/1983	Tân Ninh, Thanh Hóa	Đại học	Quản lý đất đai	Con bệnh binh	Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành	
153	Nguyễn Tấn Quốc Đại	26/12/1985	Tam Kỳ, Đà Nẵng	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành	
154	Nguyễn Quy	13/12/1984	Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành	
155	Trần Quốc Tuấn	29/01/1985	Quảng Điền, Huế	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
156	Trần Việt Sơn	23/01/1991	Ninh Kiều, Hà Nội	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành	
157	Lương Công Kiên	29/01/1983	Đồng Thái, Ninh Bình	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành	
158	Đồng Quang Hoan	22/08/1981	Vũ Quang, Hà Tĩnh	Đại học	Địa chính		Đo đạc bản đồ	CN Vạn Ninh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
159	Phạm Duy Bằng	28/04/1981	Tu Bông, Khánh Hòa	Đại học	Trắc địa bản đồ		Đo đạc bản đồ	CN Vạn Ninh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
160	Dương Thành Công	05/11/1989	Hồng Châu, Hưng Yên	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Vạn Ninh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
161	Trần Văn Định	16/04/1992	Vạn Hưng, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Vạn Ninh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
162	Võ Mai Trí Thức	06/03/1990	Vạn Thắng, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Vạn Ninh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
163	Nguyễn Như Kiệt	03/11/1992	Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Vạn Ninh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
164	Trần Thanh Vũ	01/08/1984	Tuy Hòa, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Vạn Ninh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
165	Võ Thị Hạnh	26/07/1982	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Ninh Hòa	V.06.06.17	Chuyên ngành	
166	Trần Lê Thanh Xuân	01/11/1982	Đan Hải, Hà Tĩnh	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Ninh Hòa	V.06.06.17	Chuyên ngành	
167	Dương Văn Thắng	04/05/1989	Đan Hải, Hà Tĩnh	Đại học	Trắc địa		Đo đạc bản đồ	CN Ninh Hòa	V.06.06.17	Chuyên ngành	
168	Nguyễn Thị Thơm	06/07/1996	Đông Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Ninh Hòa	V.06.06.17	Chuyên ngành	
169	Trần Tiến Đạt	18/11/2002	Tam Điệp, Ninh Bình	Đại học	Kỹ thuật trắc địa bản đồ		Đo đạc bản đồ	CN Nha Trang	V.06.06.17	Chuyên ngành	
170	Bùi Trọng Hiến	15/02/1988	Hòa Trí, Khánh Hòa	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Nha Trang	V.06.06.17	Chuyên ngành	
171	Trần Vũ Anh Khoa	02/11/1995	Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Nha Trang	V.06.06.17	Chuyên ngành	
172	Nguyễn Văn Tinh	21/11/1990	Tu Bông, Khánh Hòa	Thạc Sĩ	Bản đồ, viễn thám và hệ thống địa lý+ trắc địa bản đồ		Đo đạc bản đồ	CN Nha Trang	V.06.06.17	Chuyên ngành	
173	Ngô Quốc Anh	08/01/1988	Diên Thọ, Diên Khánh	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Nha Trang	V.06.06.17	Chuyên ngành	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Điện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
174	Bùi Trọng Pháp	20/10/1989	Hòa Trí, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Nha Trang	V.06.06.17	Chuyên ngành	
175	Đặng Tiến Đạt	28/09/1988	Tuy Hòa, Đak Lak	Thạc sĩ	Trắc địa bản đồ + Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Nha Trang	V.06.06.17	Chuyên ngành	
176	Đàm Quang Lực	01/10/2001	Tây Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Nha Trang	V.06.06.17	Chuyên ngành	
177	Nguyễn Nam Anh	09/11/1996	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Nha Trang	V.06.06.17	Chuyên ngành	
178	Võ Đình Kiên	10/05/1982	Nam Đán, Nghệ An	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Nha Trang	V.06.06.17	Chuyên ngành	
179	Nguyễn Văn Thới	29/09/1974	Bồng Sơn, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Nha Trang	V.06.06.17	Chuyên ngành	
180	Lý Quốc Tài	02/12/1992	Diên Khánh, Khánh Hòa	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Diên Khánh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
181	Nguyễn Trọng Thành	28/08/1978	Bắc Ninh	Thạc sĩ	Trắc địa bản đồ + Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Diên Khánh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
182	Trần Ngọc Tài	15/11/1991	Quảng Điền, Huế	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Diên Khánh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
183	Trịnh Văn Định	15/06/1982	Hà Trung, Thanh Hóa	Đại học	Trắc địa		Đo đạc bản đồ	CN Khánh Vĩnh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
184	Trần Bảo Điệp	03/02/1996	Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Khánh Vĩnh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
185	Trần Kim Hoàng	05/09/1996	Diên Lạc, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Khánh Vĩnh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
186	Nguyễn Bá Thành	30/07/1995	Tuy An Nam, Đak Lak	Đại học	Trắc địa bản đồ		Đo đạc bản đồ	CN Khánh Sơn	V.06.06.17	Chuyên ngành	
187	Trần Nguyên Phú	24/02/1979	Diên Lạc, Khánh Hòa	Đại học	Trắc địa bản đồ		Đo đạc bản đồ	CN Khánh Sơn	V.06.06.17	Chuyên ngành	
188	Nguyễn Ngọc Sang	20/07/1992	Khánh Hòa	Thạc sĩ	Trắc địa bản đồ + Quản lý đất đai+ Luật		Đo đạc bản đồ	CN Cam Lâm	V.06.06.17	Chuyên ngành	
189	Trần Minh Hoàng	01/03/1996	Khánh Hòa	Đại học	Trắc địa bản đồ		Đo đạc bản đồ	CN Cam Lâm	V.06.06.17	Chuyên ngành	
190	Võ Đình Sơn Tùng	18/06/1987	Tây Hòa, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Cam Lâm	V.06.06.17	Chuyên ngành	
191	Phan Đức Chương	19/11/1984	Thăng An, Đà Nẵng	Đại học	Quản lý đất đai	Sĩ quan dự bị	Đo đạc bản đồ	CN Cam Lâm	V.06.06.17	Chuyên ngành	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
192	Nguyễn Bảo Tôn	07/04/1984	Sông Cầu, Đak Lak	Đại học	Trắc địa bản đồ		Đo đạc bản đồ	CN Cam Lâm	V.06.06.17	Chuyên ngành	
193	Hà Quốc Hoàng	17/10/1989	Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Cam Lâm	V.06.06.17	Chuyên ngành	
194	Nguyễn Hoàng Minh Thông	01/01/2002	Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai; Định giá bất động sản		Đo đạc bản đồ	CN Cam Lâm	V.06.06.17	Chuyên ngành	
195	Chu Hữu Đức	15/10/1990	Hà Nội	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Cam Lâm	V.06.06.17	Chuyên ngành	
196	Nguyễn Thanh Toàn	25/03/1983	Kim Trà, Huế	Đại học	Quản lý đất đai + Luật		Đo đạc bản đồ	CN Cam Ranh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
197	Nguyễn Văn Trường	29/10/1988	Hoạt Giang, Thanh Hóa	Đại học	Quản lý đất đai + Luật		Đo đạc bản đồ	CN Cam Ranh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
198	Nguyễn Chính Duy	16/08/1992	Sông Cầu, Đak Lak	Đại học	Kỹ thuật trắc địa bản đồ	hoàn thành nghĩa vụ quân sự	Đo đạc bản đồ	CN Cam Ranh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
199	Thái Doãn Đường	26/09/1993	Hà Tĩnh	Đại học	Kỹ thuật trắc địa bản đồ		Đo đạc bản đồ	CN Cam Ranh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
200	Ngô Quang Huy	08/08/1997	Vĩnh Định, Quảng Trị	Đại học	Quản lý đất đai + Luật		Đo đạc bản đồ	CN Cam Ranh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
201	Nguyễn Hữu Thiện	01/12/1998	Nam Cam Ranh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Cam Ranh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
202	Nguyễn Huy Vũ	11/11/1990	Hoài Nhơn, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Cam Ranh	V.06.06.17	Chuyên ngành	
203	Phan Trọng Nghĩa	15/04/1991	Đông Hải, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Ninh Hải	V.06.06.17	Chuyên ngành	
204	Trần Sơn Vũ	10/08/1986	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Ninh Hải	V.06.06.17	Chuyên ngành	
205	Nguyễn Lâm	07/10/1982	Thạch Hãn, Quảng Trị	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Ninh Sơn	V.06.06.17	Chuyên ngành	
206	Võ Đình Nhân	08/07/1996	Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Ninh Sơn	V.06.06.17	Chuyên ngành	
207	Phùng Văn Đức	09/02/1995	Thanh Hóa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Ninh Sơn	V.06.06.17	Chuyên ngành	
208	Trần Quốc Truyền	14/10/1996	Phù Mỹ Đông, Gia Lai	Đại học	Trắc địa bản đồ		Đo đạc bản đồ	CN Ninh Sơn	V.06.06.17	Chuyên ngành	
209	Hà Hữu Hạnh	20/12/1990	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Ninh Phước	V.06.06.17	Chuyên ngành	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Điện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
210	Nguyễn Nhật Chường	13/08/2001	Cà Ná, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Thuận Nam	V.06.06.17	Chuyên ngành	
211	Nguyễn Đình Luật	02/07/1984	Hòa Hiệp, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Thuận Nam	V.06.06.17	Chuyên ngành	
212	Nguyễn Kính Khiêm	08/06/1991	Phan Rang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Đo đạc bản đồ	CN Thuận Nam	V.06.06.17	Chuyên ngành	
213	Lê Quang Hưng	16/03/1991	Bình Kiến, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai + Công nghệ thông tin		Chuyên viên tổ chức bộ máy	Phòng HCTH	01.003	Chuyên môn dùng chung	
214	Trịnh Như Quỳnh	24/04/1985	Thọ Xuân, Thanh Hóa	Thạc sĩ	Thạc sĩ Quản lý đất đai + Kế toán		Chuyên viên tổ chức bộ máy	Phòng HCTH	01.003	Chuyên môn dùng chung	
215	Đỗ Ngọc Thanh Cẩm	11/04/1997	Văn Lâm, Hưng Yên	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên tổ chức bộ máy	Phòng HCTH	01.003	Chuyên môn dùng chung	
216	Phạm Thùy Anh	31/08/1993	Như Quỳnh, Hưng Yên	Thạc sĩ	Kinh tế; Thạc sĩ Quản lý kinh tế	Con thương binh	Chuyên viên tổ chức bộ máy	Phòng HCTH	01.003	Chuyên môn dùng chung	
217	Đình Thị Mỹ Châu	01/12/1993	Quảng Hòa, Cao Bằng	Thạc sĩ	CN Kinh tế; Thạc sĩ Quản lý kinh tế	Dân tộc Tày	Chuyên viên tổ chức bộ máy	Phòng HCTH	01.003	Chuyên môn dùng chung	
218	Nguyễn Duy Hoàn	04/03/2002	Khánh Hòa	Đại học	Công nghệ thông tin		Chuyên viên tổng hợp	Phòng HCTH	01.003	Chuyên môn dùng chung	
219	Lê Thùy Chi	02/01/1981	Hà Tĩnh	Đại học	Công nghệ thông tin; Công nghệ phần mềm		Chuyên viên tổng hợp	Phòng HCTH	01.003	Chuyên môn dùng chung	
220	Phan Thọ Thiên	28/11/2003	Gò Nổi, Đà Nẵng	Đại học	Công nghệ thông tin; Công nghệ phần mềm		Chuyên viên tổng hợp	Phòng HCTH	01.003	Chuyên môn dùng chung	
221	Lê Nguyên Gia Phong	30/08/1980	Gia Lai	Thạc sĩ	Thạc sĩ Quản lý đất đai + Công nghệ thông tin		Chuyên viên tổng hợp	Phòng HCTH	01.003	Chuyên môn dùng chung	
222	Lê Thị Ngọc Tuyết	27/10/1994	Đak Lak	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung	
223	Phan Xuân Ngân	04/03/1990	Thanh Hóa	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
224	Vi Nhật Sâm	27/10/1996	Con Cuông, Nghệ An	Đại học	Luật	Dân tộc Thái	Chuyên viên Hành chính văn phòng	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung	
225	Đặng Thị Thùy Dương	18/06/1987	An Khánh, Hải Phòng	Đại học	Kế toán + Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung	
226	Thân Thị Thu Hà	18/08/1993	Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học	Công nghệ kỹ thuật Môi trường + Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
227	Lê Phúc Hòa	06/09/1985	Vạn Thắng, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
228	Hồ Thị Thùy Linh	10/08/1993	Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
229	Dương Phi Học	22/07/1991	Phú Yên, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
230	Nguyễn Thị Ngân Hà	17/10/1995	Thăng An, Đà Nẵng	Thạc sĩ	Thạc sĩ Luật + Ngôn ngữ Anh		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
231	Nguyễn Thành Phước	16/09/1996	Diên Điền, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
232	Châu Ngọc Thanh Hải	15/10/1982	Núi Thành, Đà Nẵng	Đại học	Công nghệ thông tin		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
233	Võ Triều Toàn	16/11/1984	Hà Tĩnh	Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
234	Phạm Khang Hân	11/06/2000	An Khê, Gia Lai	Đại học	Luật; Luật dân sự		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
235	Nguyễn Trần Việt Linh	23/03/1995	Diên Thọ, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Diên Khánh	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Điện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
236	Tạ Thị Khánh Huyền	28/01/2003	Tiên Du, Bắc Ninh	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Diên Khánh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
237	Vũ Phước Thành	04/04/1995	Hà Đông, Hải Phòng	Đại học	Luật + Quản trị kinh doanh		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Diên Khánh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
238	Huỳnh Thanh Trúc	01/02/2001	Cam Hiệp, Khánh Hòa	Đại học	Kinh tế và quản lý công		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung	
239	Nguyễn Thị Thảo Ny	14/10/1994	Khánh Hòa	Đại học	Luật+ Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung	
240	Phạm Quang Huy	27/11/1988	Gia Lai	Đại học	Công nghệ thông tin		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung	
241	Dương Thị Hằng	17/01/1982	Tây Hoa Lư, Ninh Bình	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
242	Trần Hồ Chí Trung	08/10/1991	Cam Ranh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
243	Võ Thị Mai Khanh	03/01/1996	Khánh Hòa	Đại học	Luật dân sự		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
244	Nguyễn Thị Khánh Linh	24/03/1992	Hoài Nhơn Bắc, Gia Lai	Đại học	Luật; Luật thương mại		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
245	Sơ Thị Bích Tuyền	17/12/1991	Sơn Hòa, Đak Lak	Đại học	Luật	con thương binh	Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Bác Ái	01.003	Chuyên môn dùng chung	
246	Hoàng Thị Thu Thảo	16/06/1997	Thanh Hóa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Bác Ái	01.003	Chuyên môn dùng chung	
247	Ngô Thị Ánh Nguyệt	12/05/1988	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Ninh Phước	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Điện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
248	Cao Thị Nghĩa	13/11/1987	Minh Hóa, Quảng Trị	Đại học	Luật	con bệnh binh	Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Thuận Nam	01.003	Chuyên môn dùng chung	
249	Từ Công Thùy Tiên	19/02/2000	Thuận Nam, Khánh Hòa	Đại học	Kinh tế	án tộc Chh	Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Thuận Nam	01.003	Chuyên môn dùng chung	
250	Trương Văn Đăng	06/08/1984	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Thuận Nam	01.003	Chuyên môn dùng chung	
251	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	12/04/1990	Đông Hải, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung	
252	Nguyễn Việt Trinh	08/04/1990	Ba Đồn, Quảng Trị	Đại học	Quản lý đất đai + Kế toán		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung	
253	Trần Thị Ngọc Lành	21/08/2001	Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
254	Nguyễn Thị Thắm	06/03/1990	Hòa Hiệp, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai + Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
255	Nguyễn Thị Mỹ Cẩm	29/04/2003	Vạn Thắng, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
256	Trần Thị Như Thùy	14/01/1992	Hải Quang, Ninh Bình	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
257	Trần Thị Thanh Hương	09/07/1990	Hòa Thắng, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Điện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
258	Hồ Trọng Liêm	05/04/1995	Tu Bông, Khánh Hòa	Đại học	Luật + Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
259	Trần Huỳnh Như Ái Mỹ	14/06/2000	Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học	Luật; Luật kinh tế		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
260	Trần Thị Trúc Ly	06/05/2000	Vạn Thắng, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
261	Thái Bảo	04/04/1996	Hòa Thắng, Khánh Hòa	Đại học	Công nghệ thông tin		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung	
262	Nguyễn Minh Hiếu	30/04/1997	Tân Định, Khánh Hòa	Đại học	Luật	m gia NV	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung	
263	Phan Trương Quốc Khánh	29/03/2003	Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung	
264	Nguyễn Tân	10/08/2003	Triệu Phong, Quảng Trị	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung	
265	Nguyễn Hữu Huy	12/09/2001	Điện Bàn Tây, Đà Nẵng	Đại học	Luật; Luật kinh tế		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung	
266	Lê Thị Như	23/06/1991	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Điện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
267	Nguyễn Thị Thu	18/11/1974	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung	
268	Ngô Thảo Nguyên	05/02/1983	Tân Định, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung	
269	Trần Văn Linh	12/09/1988	Hòa Thắng, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai + Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung	
270	Trà Văn Tiến	17/11/2000	Đông Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Xây dựng + Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung	
271	Võ Thị Minh Thảo	13/11/2003	Hòa Thắng, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung	
272	Trương Trần Thị Kim Quy	27/08/2000	Tân Định, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung	
273	Cao Văn Lành	21/11/1988	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Luật + Công nghệ thông tin		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung	
274	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	24/01/2003	Lê Thủy, Quảng Trị	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
275	Lưu Trọng Tín	09/01/1988	Thạch Thành, Thanh Hóa	Thạc sĩ	Thạc sĩ Quản lý đất đai + Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Điện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
276	Lê Khánh Ly	14/07/2003	Thiệu Hóa, Thanh Hóa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
277	Nguyễn Lê Phong	21/04/2000	Mỹ Sơn, Khánh Hòa	Đại học	Luật; Luật quốc tế		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
278	Trần Thị Lợi	25/09/1996	Bạch Hà, Nghệ An	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Diên Khánh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
279	Ngô Thị Vân Thùy	18/06/1986	Hòa Thắng, Khánh Hòa	Đại học	Kinh tế		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Diên Khánh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
280	Ngô Thị Nghĩa	26/02/1985	Trường Vân, Thanh Hóa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Diên Khánh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
281	Nguyễn Thị Phong Nha	17/08/2002	Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Diên Khánh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
282	Nguyễn Thanh Tài	30/05/1995	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Diên Khánh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
283	Nguyễn Trần Vịnh	21/03/1992	Tây Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Khánh Vĩnh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
284	Phạm Thị Thu Thảo	06/01/2002	Suối Dầu, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Điện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
285	Phạm Thị Thu Nhân	10/03/2003	Gia Lai	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung	
286	Lê Thị Minh Khang	12/01/1994	Cam Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung	
287	Võ Thị Ngọc Phương	07/04/1987	Quảng Ngãi	Đại học	Kế toán + Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung	
288	Phạm Thị Thùy Linh	15/03/1990	Lê Thủy, Quảng Trị	Đại học, Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng; Luật Thạc sĩ Luật kinh tế		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung	
289	Nguyễn Vũ Thủy Tiên	16/07/1996	Cam Hiệp, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung	
290	Nguyễn Thị Ngọc Vân	20/10/1986	Hoài Nhơn, Gia Lai	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung	
291	Võ Khôi Quỳnh Như	04/09/2001	Tam Quan, Gia Lai	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung	
292	Nguyễn Phạm Huyền Trâm	15/08/1993	Tuy An Tây, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung	
293	Lê Thị Hồng Phấn	13/07/1989	Tuy An Đông, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Điện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
294	Phan Thị Quý	01/08/1990	An Lương, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
295	Đặng Thị Huyền Trang	12/11/1988	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Công nghệ thông tin		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
296	Lê Châu Thanh Trúc	04/04/2002	Phù Mỹ Đông, Gia Lai	Đại học	Luật; Luật dân sự		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
297	Bùi Thị Mỹ Hằng	08/06/1996	Tuy An Bắc, Đak Lak	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
298	Nguyễn Hà Dung	18/03/1991	Phù Mỹ Đông, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
299	Võ Thị Kim Hương	07/09/1989	Tuy An Đông, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai + Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
300	Nguyễn Thị Sương	15/03/1993	Đề Gi, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai + Luật + kế toán		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
301	Ngô Bảo Tố Nga	19/11/1988	Lâm Đồng	Đại học	Toán tin + Quản lý đất đai+ Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
302	Mạc Lê Như Xuân	02/01/1993	Sông Cầu, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Điện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
303	Lã Thị Thùy	19/03/1992	Thanh Hóa	Đại học	Quản lý đất đai	Con bệnh binh	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
304	Đặng Thị Hà Phương	04/09/1998	Hà Tĩnh	Thạc sĩ	Ths Luật + Quản trị kinh doanh		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
305	Ngô Thị Hoài	08/05/1989	Lưu Vệ, Thanh Hóa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
306	Nguyễn Thu Phương	01/06/1996	Hải Hưng, Ninh Bình	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
307	Trần Quốc Cường	15/12/2000	Phú Nhuận, Đà Nẵng	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
308	Phan Duy Khánh	16/03/1998	Cam Ranh, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
309	Nguyễn Thị Kim Huy	08/08/1986	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Thuận Bắc	01.003	Chuyên môn dùng chung	
310	Nguyễn Thị Kim Khanh	17/06/1991	Xuân Hải, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Dân tộc Chăm	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Bác Ái	01.003	Chuyên môn dùng chung	
311	Hồ Thị Trúc Hà	07/10/1995	Đô Vinh, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Bác Ái	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Điện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
312	Đào Quốc Bình	14/06/2001	Đô Vinh, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Bác Ái	01.003	Chuyên môn dùng chung	
313	Nguyễn Phan Thành Sơn	17/06/1996	Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung	
314	Đặng Thị Xuân Yến	26/04/2001	Khánh Vĩnh, Khánh Hòa	Đại học	Kinh tế; Thẩm định giá		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung	
315	Nguyễn Thị Khánh Hải	08/02/1992	Phước Dinh, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung	
316	Hồ Thị Ngọc Thúy	17/02/1995	Ninh Chữ, Khánh Hòa	Đại học	Luật + Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung	
317	Ngô Thị Hoàng Vy	20/05/1995	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung	
318	Huỳnh Thị Ngọc Quyên	02/09/1996	Đông Hải, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung	
319	Nguyễn Thị Diễm Thoa	11/11/1985	Xuân Hải, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung	
320	Đào Trọng Phiên	14/10/1998	Xuân Hải, Khánh Hòa	Đại học	Công nghệ thông tin	Dân tộc Chăm	Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Điện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
321	Hồ Lê Tuyết Trinh	01/09/1990	Ninh Chữ, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung	
322	Đường Nguyễn Hoài Thu	18/12/1994	Phan Rang, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung	
323	Võ Thị Kim Vi	17/02/1986	Xuân Hải, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung	
324	Võ Thái Hiền	29/03/2001	Đà Nẵng	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung	
325	Nguyễn Thị Xuân Phươn	05/09/1997	Lê Thủy, Quảng Trị	Đại học	Văn hóa học+ Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung	
326	Trần Thị Phương Nhung	07/10/1995	Nam Lý, Ninh Bình	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Sơn	01.003	Chuyên môn dùng chung	
327	Lê Thị Mỹ Lan	04/07/1994	Phù Cát, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Sơn	01.003	Chuyên môn dùng chung	
328	Nguyễn Thị Thu Thùy	18/11/1985	Gia Lai	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Sơn	01.003	Chuyên môn dùng chung	
329	Nguyễn Thị Mai Thi	04/02/1996	Huế	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Sơn	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Điện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
330	Hồ Thị Thu Hiền	14/10/1995	Hà Tĩnh	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Sơn	01.003	Chuyên môn dùng chung	
331	Mai Thị Hoa Lộc	01/04/1986	Vạn Lộc, Thanh Hóa	Đại học	Công nghệ thông tin		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Sơn	01.003	Chuyên môn dùng chung	
332	Phạm Hoàng Đức	31/08/2001	Hà Nam	Đại học	Công nghệ thông tin; Kỹ thuật phần mềm		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Sơn	01.003	Chuyên môn dùng chung	
333	Trần Ngọc Nghĩa	09/08/1994	Phước Hữu, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Sơn	01.003	Chuyên môn dùng chung	
334	Bạch Thị Thu Thảo	25/10/1996	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Phước	01.003	Chuyên môn dùng chung	
335	Trần Thị Trúc Ninh	03/05/2000	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Phước	01.003	Chuyên môn dùng chung	
336	Trần Thị Bích Hạnh	15/10/1995	Đông Hải, KHánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Phước	01.003	Chuyên môn dùng chung	
337	Trần Thy Nhiên Duy	24/02/1992	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Phước	01.003	Chuyên môn dùng chung	
338	Nguyễn Thị Hồng Hằng	05/10/1996	Phước Hậu, KHánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Phước	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Điện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
339	Nguyễn Châu Khâm	11/09/1990	Đức Phổ, Quảng Ngãi	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Phước	01.003	Chuyên môn dùng chung	
340	Lê Sơn Đông	02/07/1986	Đông Hải, Khánh Hòa	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế + Cử nhân Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
341	Ngô Thanh Lâm	19/06/1983	Ninh Sơn, Khánh Hòa	Đại học	Quản trị kinh doanh + Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
342	Trần Thị Thanh Hà	23/10/1985	Cát Ngạn, Nghệ An	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
343	Lâm Gia Nhật Anh	24/10/1998	Tư Nghĩa, Quảng Ngãi	Đại học	Kinh tế; Kinh tế Nông lâm		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
344	Đỗ Văn Đức	12/10/2001	Tân Tiến, Hưng Yên	Đại học	Luật; Luật kinh tế		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
345	Phạm Ngọc Hòa	15/12/2000	Bảo An, KHánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
346	Bùi Trung Đức	03/10/1996	Quyển Lưu, Nghệ An	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
347	Nguyễn Thanh Tùng	01/01/2002	Hà Nội	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Điện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
348	Võ Quốc Khánh	22/10/1993	TP Hồ Chí Minh	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
349	Hồ Minh Trí	16/11/2000	Bảo An, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
350	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	19/02/1981	Ninh Chữ, Khánh Hòa	Đại học	Kinh tế; kinh tế đối ngoại		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
351	Nguyễn Kiều Linh	13/08/2002	Ninh Thuận	Đại học	Công nghệ thông tin		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
352	Phạm Thị Lan	11/11/1988	Vĩnh Hải, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
353	Đỗ Duy Khôi	05/03/2003	Đô Vinh, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
354	Nguyễn Phú Trinh Nguyễn	08/09/2003	Bảo An, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
355	Phan Minh Duy	21/01/2003	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Thuận Nam	01.003	Chuyên môn dùng chung	
356	Lường Thị Quỳnh	11/04/1995	Cẩm Tân, Thanh Hóa	Đại học	Luật + Quản lý đất đai		Chuyên viên Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Thuận Nam	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Điện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
357	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	11/09/2001	Lam Thành, Nghệ An	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
358	Đỗ Thị Như Hoa	23/09/1992	Hải Phòng	Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
359	Trương Hoàng Bảo Hân	09/09/2003	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
360	Phan Nguyễn Thanh Nhà	04/12/1995	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Tài chính ngân hàng		Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
361	Nguyễn Thị Kim Thảo	16/06/2002	Đak Lak	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
362	Nguyễn Thị Hồng Nhung	09/07/2000	Yên Hòa, Hà Tĩnh	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
363	Nguyễn Thị Tinh	26/04/1984	Nam Cửa Việt, Quảng Trị	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
364	Khổng Thị Duyên	12/09/2000	Hung Yên	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
365	Ngô Thị Minh Nguyên	18/02/2003	Hoài Nhơn, Gia Lai	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
366	Trần Nguyễn Nguyên An	24/07/1988	Diễn Châu, Nghệ An	Đại học	Tài chính		Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
367	Phạm Thị Thu Tuyền	15/11/1982	Tuy An Tây, Đak Lak	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
368	Đặng Thị Thanh Bình	12/06/1999	Nam Tiên Hưng, Hưng Yên	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
369	Huỳnh Thị Kim Bạch Th	07/05/1981	Bình Định	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
370	Đình Thị Bé	20/03/1987	Anh Sơn, Nghệ An	Đại học	Kế toán	Con thương binh 4/4	Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
371	Nguyễn Khánh Huyền	25/03/1996	Quảng Ninh, Quảng Trị	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
372	Kiều Mai Minh Ngọc	28/10/1992	Gia Lai	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
373	Nguyễn Thị Thu Huyền	20/08/2001	Tượng Lĩnh, Thanh Hóa	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Điện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
374	Lê Thị Thu Nguyệt	24/08/1991	Vạn Thắng, Khánh Hòa	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	CN Vạn Ninh	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
375	Nguyễn Thị Nhật Hiệp	20/04/1987	Cam Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	CN Cam Lâm	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
376	Trịnh Thị Thu Hạnh	19/08/1997	Mộ Đức, Quảng Ngãi	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	CN Cam Lâm	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
377	Bùi Thị Hoàng Giang	03/11/1991	Bắc Đông Quan, Hưng Yên	Đại học	Tài chính ngân hàng		Kế toán viên	CN Cam Ranh	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
378	Trương Thị Thu Thủy	26/09/1996	Yên Mỹ, Hưng Yên	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	CN Cam Ranh	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
379	Trần Thị Thanh Thúy	06/08/1993	Quảng Ngãi	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	CN Ninh Phước	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
380	Nguyễn Thị Hạ Châu	28/03/1992	Khánh Hòa	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	CN Ninh Phước	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
381	Bùi Thị Hòa	19/04/1986	Phan Rang, Khánh Hòa	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	CN Ninh Phước	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
382	Hứa Thị Hồng Bích	17/05/2002	Phước Hữu, Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Dân tộc Chăm	Kế toán viên	CN Ninh Phước	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
383	Nguyễn Thị Diệu Thu	30/04/1993	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Kế toán		Kế toán viên	CN Ninh Phước	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
384	Đàng Phú Nữ Saman	20/03/1993	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Dân tộc Chăm	Kế toán viên	CN Ninh Phước	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
385	Vạn Nữ Kiều My	25/09/2002	Phước Hữu, Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Dân tộc Chăm	Kế toán viên	CN Ninh Phước	V.06.031	Chuyên môn dùng chung	
386	Đặng Thị Thu Vân	13/06/1987	Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học	lưu trữ học- Quản trị Văn phòng		Văn thư viên	Phòng HC-TH	02.007	Chuyên môn dùng chung	
387	Dương Thị Như Ý	20/01/1995	Khánh Hòa	Đại học	Luật		Văn thư viên	Phòng HC-TH	02.007	Chuyên môn dùng chung	
388	Lê Thị Hồng Nhung	20/08/1983	Tuy Phước, Gia Lai	Đại học	Tài chính kế toán		Văn thư viên	Phòng HC-TH	02.007	Chuyên môn dùng chung	
389	Huỳnh Thị Minh Lợi	02/12/1993	Hòa Thịnh, Đak Lak	Đại học	Quản trị kinh doanh		Văn thư viên	Phòng HC-TH	02.007	Chuyên môn dùng chung	
390	Nguyễn Thị Bích Tuyền	30/08/1991	Tuy An Đông, Đak Lak	Đại học	Quản trị văn phòng		Văn thư viên	Phòng HC-TH	02.007	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Điện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
391	Nguyễn Thị Hồng Nguyệt	02/09/1986	Gia Lai	Đại học	lưu trữ- quản trị văn phòng		Văn thư viên	Phòng HC-TH	02.007	Chuyên môn dùng chung	
392	Trương Thị Thanh Thân	30/11/1992	Cam Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Văn thư viên	Phòng HC-TH	02.007	Chuyên môn dùng chung	
393	Hoàng Thị Lệ	19/12/1982	Hải Phòng	Đại học	Luật		Văn thư viên	Phòng HC-TH	02.007	Chuyên môn dùng chung	
394	Nguyễn Lê Ngọc Chi	15/10/1984	Ninh Hòa, KHÁNH HÒA	Đại học	Luật		Văn thư viên	CN Ninh Hòa	02.007	Chuyên môn dùng chung	
395	Ngô Thị Mỹ Nga	06/04/1984	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Văn thư viên	CN Ninh Phước	02.007	Chuyên môn dùng chung	
396	Mai Thành Trung	15/06/2001	Hải Lĩnh, Thanh Hóa	Đại học	Luật		Pháp chế viên	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung	
397	Nguyễn Thị Bích Phương	04/03/1989	Ninh Thuận	Đại học	Luật		Pháp chế viên	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung	
398	Nguyễn Thị Thu Thảo	12/01/2002	Khánh Hòa	Đại học	Luật		Pháp chế viên	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung	
399	Nguyễn Thị Khánh Linh	26/06/2003	Krông Pắc, Đắk Lắk	Đại học	Luật		Pháp chế viên	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung	
400	Trần Viết Văn	23/08/2002	Tam Quan, Gia Lai	Đại học	Luật		Pháp chế viên	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung	
401	Nguyễn Thị Thúy Kiều	28/12/1985	Tân Định, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Pháp chế viên	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung	
402	Nguyễn Thị Thạch Trúc	09/05/1985	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Pháp chế viên	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung	
403	Đình Trung Hoàng	12/09/2001	Nam Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Pháp chế viên	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung	
404	Lê Hoàng Phước	21/02/1993	Khánh Hòa	Thạc sĩ; Đại học	Thạc sĩ Luật kinh tế CN Luật + Công nghệ kỹ thuật xây dựng		Pháp chế viên	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
405	Huỳnh Thiên Long	14/05/2003	Mỹ Thượng, Huế	Đại học	Luật; Luật dân sự		Pháp chế viên	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
406	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	28/02/1985	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Luật + kinh tế		Pháp chế viên	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
407	Lê Tuấn Huy	22/05/1998	Tây Hòa, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai + Luật		Pháp chế viên	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Điện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
408	Trần Nguyễn Yến Linh	19/02/2000	Tuy An Đông, Đak Lak	Đại học	Luật; Luật kinh doanh		Pháp chế viên	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
409	Nguyễn Thị Kim Dung	15/08/1976	Cát Khánh, Đak Lak	Đại học	Luật		Pháp chế viên	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
410	Nguyễn Xuân Khánh	17/01/1988	Thạch Hà, Hà Tĩnh	Đại học	Luật		Pháp chế viên	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	
411	Nguyễn Thế Cường	05/01/1985	Vĩnh Hải, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Pháp chế viên	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung	
412	Trần Thị Ngọc Hiền	01/12/1995	Ninh Hải, Ninh Thuận	Đại học	Luật		Pháp chế viên	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung	
413	Lê Thị Thanh Phúc	18/03/1986	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Pháp chế viên	CN Ninh Phước	01.003	Chuyên môn dùng chung	
414	Nguyễn Văn Hiên	06/06/1991	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Pháp chế viên	CN Ninh Phước	01.003	Chuyên môn dùng chung	
415	Nguyễn Lê Thanh Khoa	20/03/1978	Ninh Phước, Khánh Hòa	Thạc sĩ	Luật; CN kinh tế, dược sĩ		Pháp chế viên	CN Ninh Phước	01.003	Chuyên môn dùng chung	
416	Trương Thị Nhi	14/05/1995	Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	Đại học	Luật; Luật dân sự		Pháp chế viên	CN Ninh Phước	01.003	Chuyên môn dùng chung	
417	Nguyễn Minh Thảo	20/10/1977	Phan Rang, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Pháp chế viên	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
418	Nguyễn Quách Ý Nhi	04/06/1995	Đông Hải, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý Tài nguyên và Môi trường + Luật		Pháp chế viên	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung	
419	Trần Thị Ánh Chung	05/02/1985	Việt Xuyên, Hà Tĩnh	Đại học	Quản lý đất đai + Luật		Lưu trữ viên	Phòng TTLT	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
420	Lê Thị Hoàng Mi	01/03/1991	Đông Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Lưu trữ viên	CN Ninh Hòa	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Diện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
421	Nguyễn Thị Thu Trang	06/12/1983	Anh Sơn, Nghệ An	Đại học	Quản lý đất đai	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị chất độc da cam	Lưu trữ viên	CN Ninh Hòa	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
422	Nguyễn Tấn Tài	23/10/1992	Hòa Trí, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Lưu trữ viên	CN Ninh Hòa	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
423	Mai Hữu Linh	31/05/1982	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Luật + Công nghệ thông tin		Lưu trữ viên	CN Ninh Hòa	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
424	Võ Thụy Thanh Tâm	25/06/1980	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật + Quản lý đất đai		Lưu trữ viên	CN Nha Trang	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
425	Lê Thị Hà	10/11/1989	Tân Gianh, Quảng trị	Đại học	Lưu trữ và quản trị văn phòng		Lưu trữ viên	CN Nha Trang	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
426	Trần Anh Thư	26/03/1991	Tân Định, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Lưu trữ viên	CN Nha Trang	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
427	Nguyễn Thị Anh Trang	24/09/1979	Thanh Hóa	Đại học	Luật		Lưu trữ viên	CN Nha Trang	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
428	Dương Thúy Lệ	10/07/1987	Bắc Ninh	Đại học	Lưu trữ và quản trị văn phòng		Lưu trữ viên	CN Diên Khánh	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
429	Nguyễn Thành Đạt	30/11/1992	Diên Điền, Diên Khánh	Đại học	Luật		Lưu trữ viên	CN Diên Khánh	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
430	Lê Hoàng Anh	15/11/1990	Hà Bắc, Hải Phòng	Đại học	Công nghệ thông tin		Lưu trữ viên	CN Khánh Sơn	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
431	Nguyễn Thị Kiều Diễm	19/10/1987	Gia Lai	Đại học	Quản trị Văn phòng		Lưu trữ viên	CN Cam Lâm	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
432	Mai Thị Bích Duyên	14/12/1996	Suối Dầu, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai		Lưu trữ viên	CN Cam Lâm	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
433	Cao Thị Thúy Trang	30/07/1978	Cam Ranh, Khánh Hòa	Đại học	Luật + Tiếng anh		Lưu trữ viên	CN Cam Ranh	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
434	Vũ Thị Hồng Thắm	10/07/1994	Xuân Trường, Ninh Bình	Đại học	Sư phạm sinh học		Lưu trữ viên	CN Cam Ranh	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành đào tạo)	Điện ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Ghi chú
435	Thái Thị Hiền	27/05/1991	Đô Lương, Nghệ An	Đại học	Quản lý đất đai		Lưu trữ viên	CN Bác Ái	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
436	Trà Hoài Nam	26/02/1986	Phù Cát, Gia Lai	Đại học	Luật		Lưu trữ viên	CN Ninh Sơn	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
437	Lê Huỳnh Lê Sương	05/08/1995	Hà Tĩnh	Đại học	Quản lý Tài nguyên và Môi trường		Lưu trữ viên	CN Ninh Sơn	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
438	Mai Thị Phượng	10/10/2001	Bằng Hành, Tuyên Quang	Đại học	Luật		Lưu trữ viên	CN Ninh Sơn	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
439	Nguyễn Thị Lua	17/05/1990	An Lão, Gia Lai	Đại học	Luật kinh tế		Lưu trữ viên	CN Ninh Sơn	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
440	Lê Thị Thu Trang	13/12/2001	Hàm Liêm, Lâm Đồng	Đại học	Xã hội học		Lưu trữ viên	CN Thuận Nam	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
441	Nguyễn Văn Khoa	15/11/1988	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật		Lưu trữ viên	CN Thuận Nam	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	
442	Bá Thị Bích Thương	10/08/1999	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Lưu trữ - quản trị văn phòng		Lưu trữ viên	CN Thuận Nam	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung	

Ghi chú:

Phòng ĐK và CGCN: Phòng Đăng ký và cấp giấy chứng nhận.

Phòng TTLT: Phòng Thông tin- Lưu trữ.

Phòng HCTH: Phòng Hành chính- Tổng hợp.

CN: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.